CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Cao su Đồng Phú

Ngày 30/09/2025	37,550 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-0.5%	**-1.4%**	**-**

DT thuần
Q3/25
482
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 280| 139%
YoY: ▲ 134| 38.6%

LN thuần
Q3/25
189
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 122| 180%
YoY: ▲ 123| 186%

LN sau thuế
Q3/25
155
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.0| 150%
YoY: ▲ 93.8| 153%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/25
39.8%
YoY: +/-▲ 1.0%

ROE (TTM)
Q3/25
11.1%
YoY: +/-▲ 2.9%

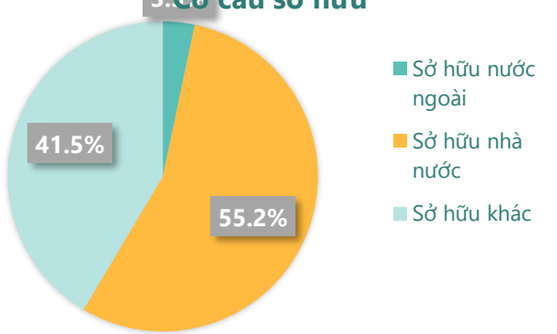
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	32,990 - 49,985
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	3,263
Số lượng CPLH (CP)	86,885,932
KLGD BQ 20 phiên (CP)	433,585
Sở hữu nước ngoài	3.3%
Beta	1.01
EPS	4,203
P/E	8.9

DT thuần
9T 2025
886
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 118| 15.5%

LN thuần
9T 2025
350
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 157| 80.8%

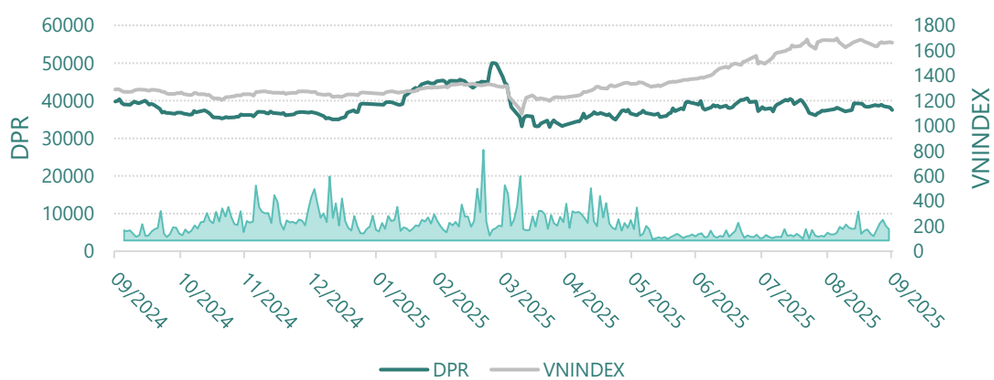
LN sau thuế
9T 2025
293
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 90.0| 44.4%

Cơ cấu sở hữu

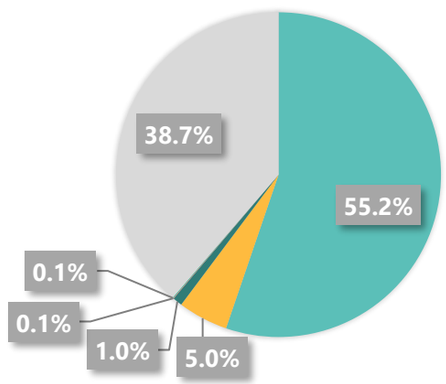


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



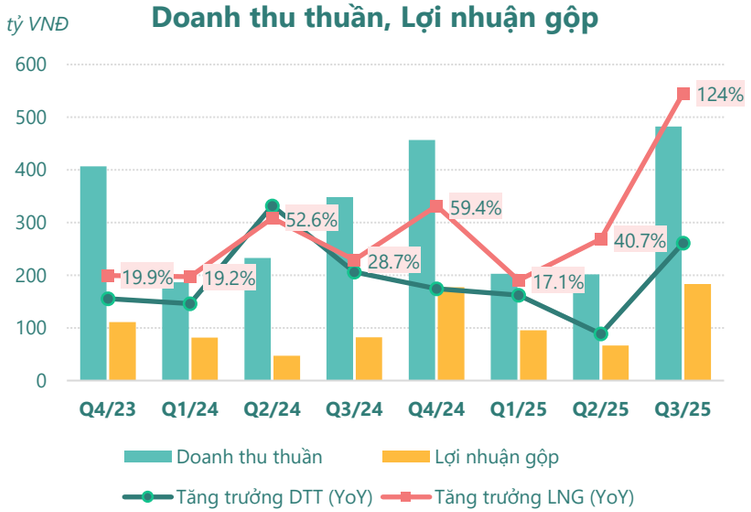
Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

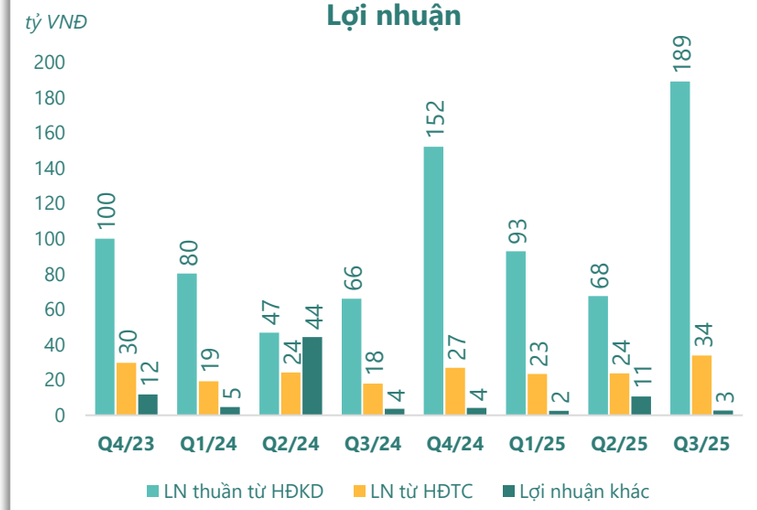
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



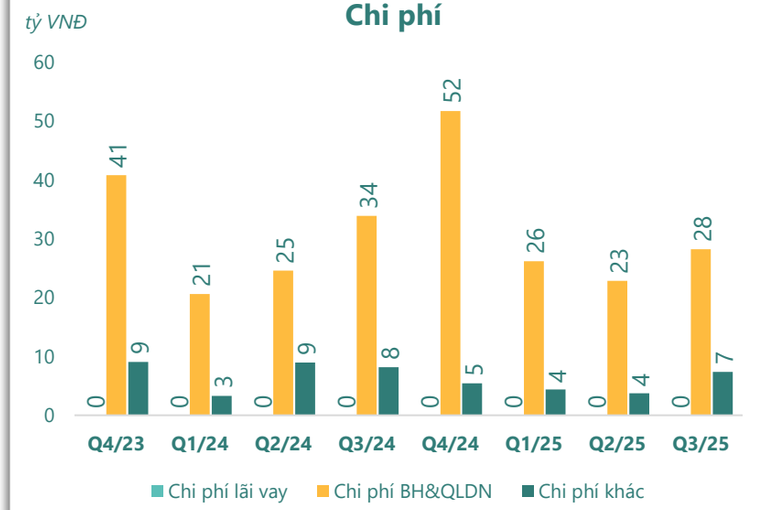
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



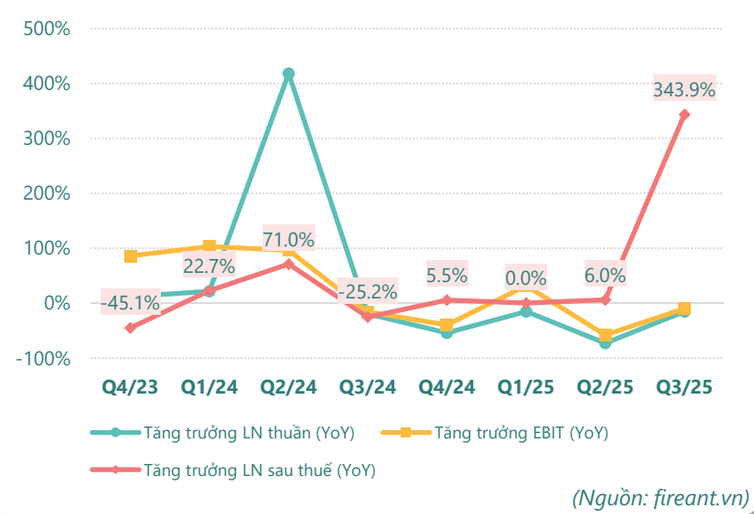
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



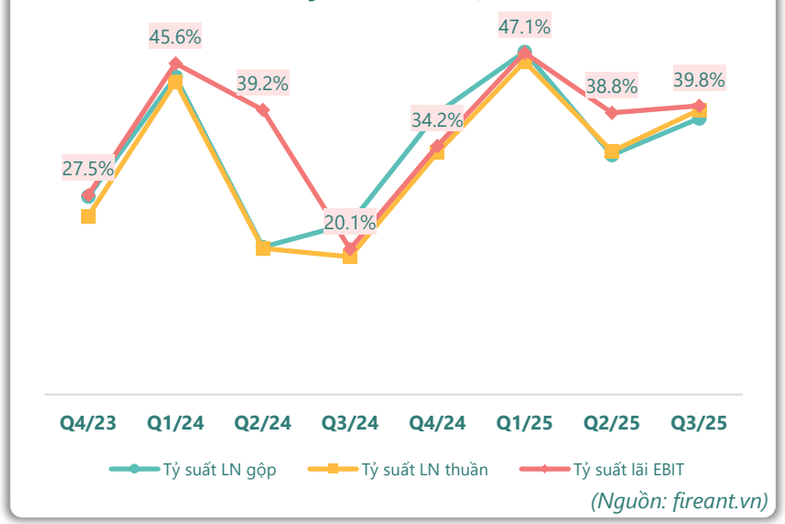
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



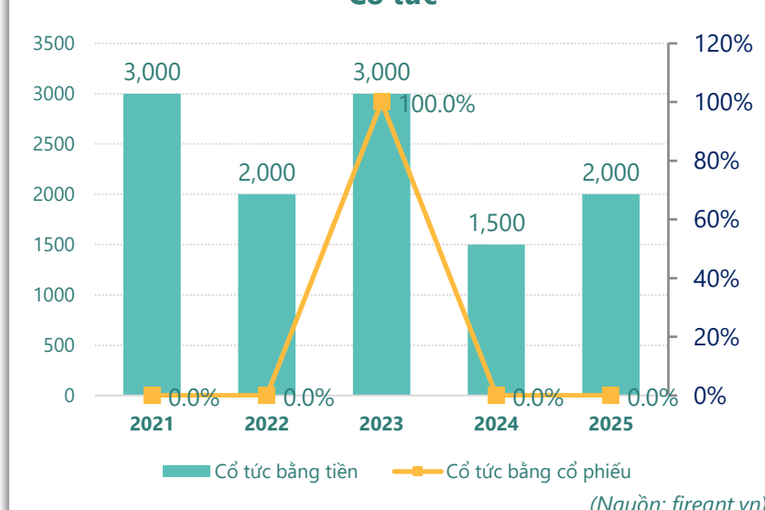
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

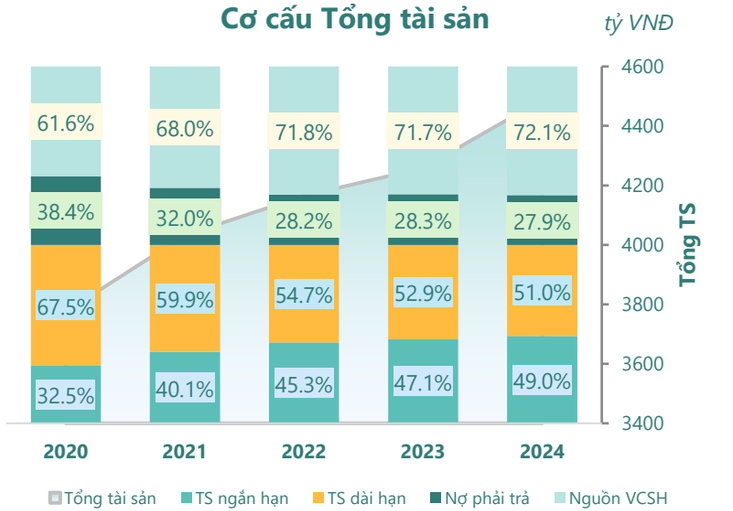
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

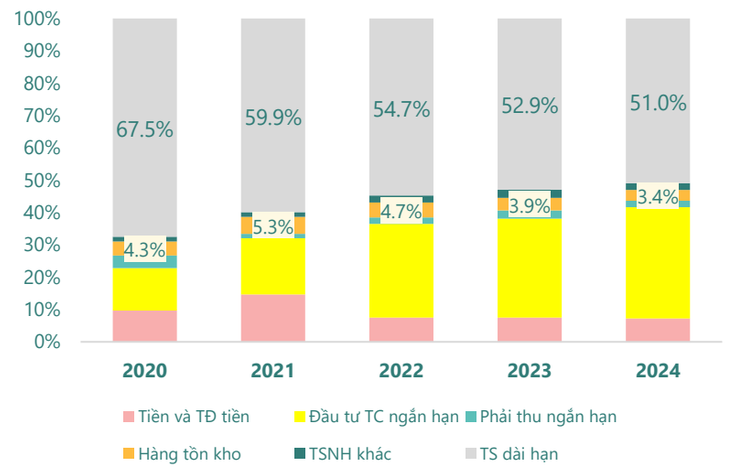
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



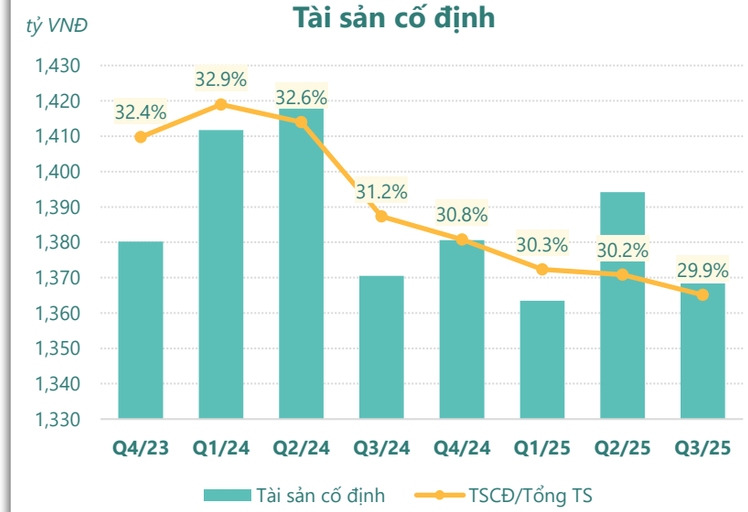
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



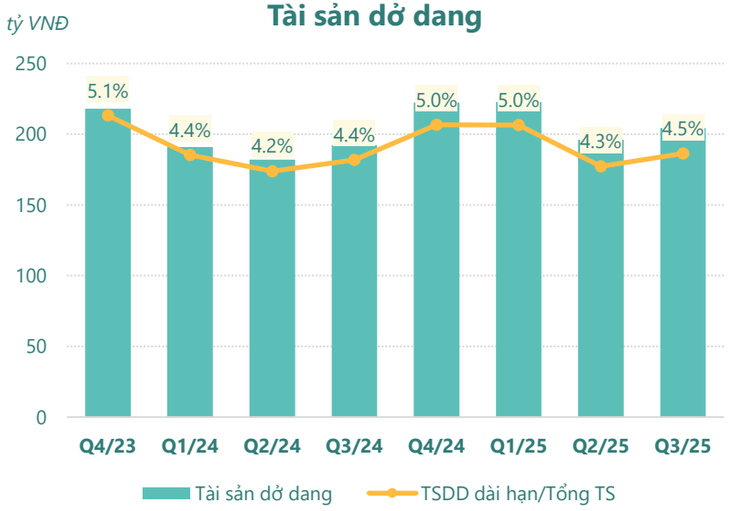
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



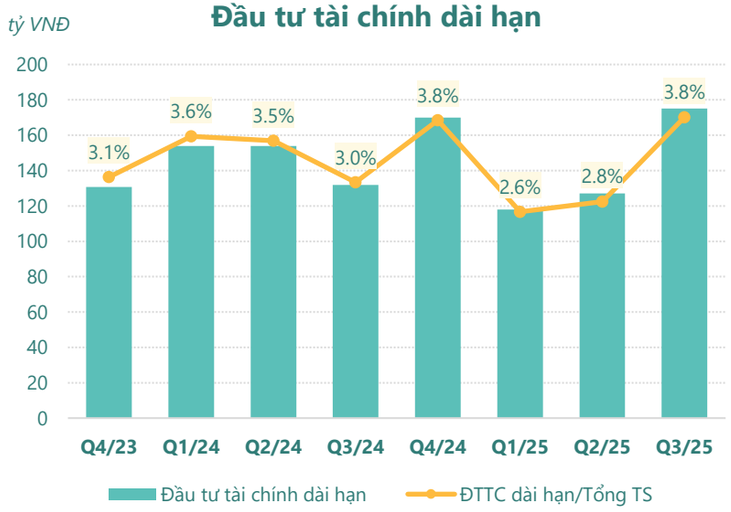
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



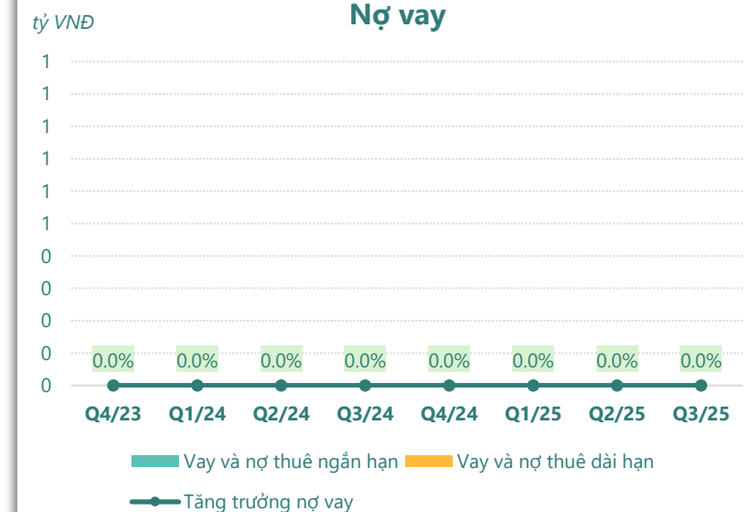
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

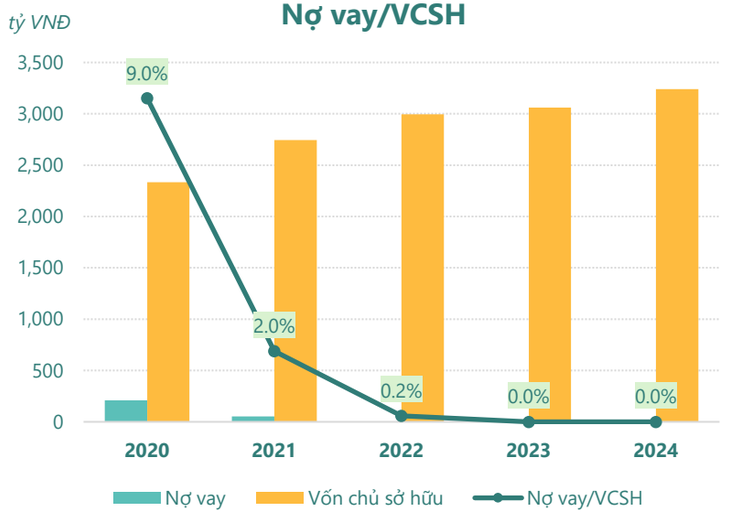
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

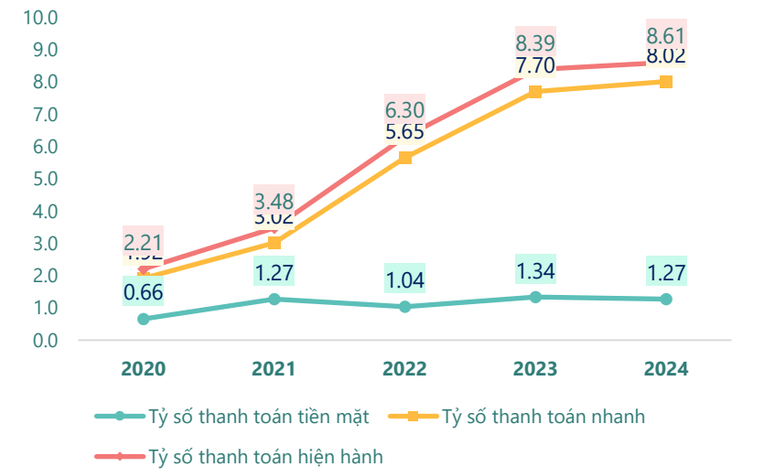
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



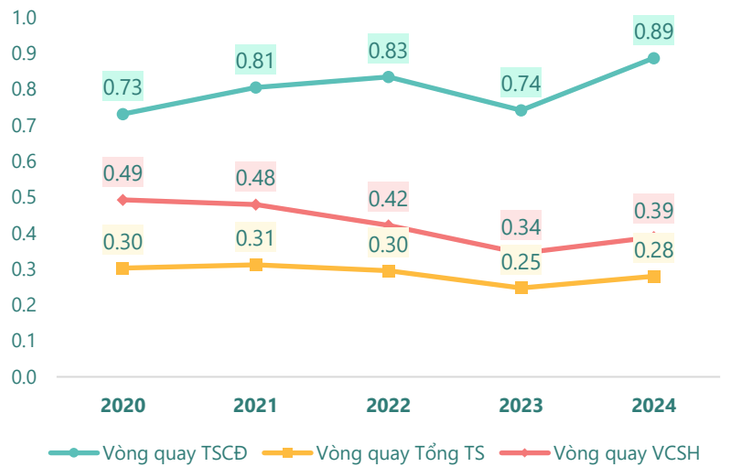
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



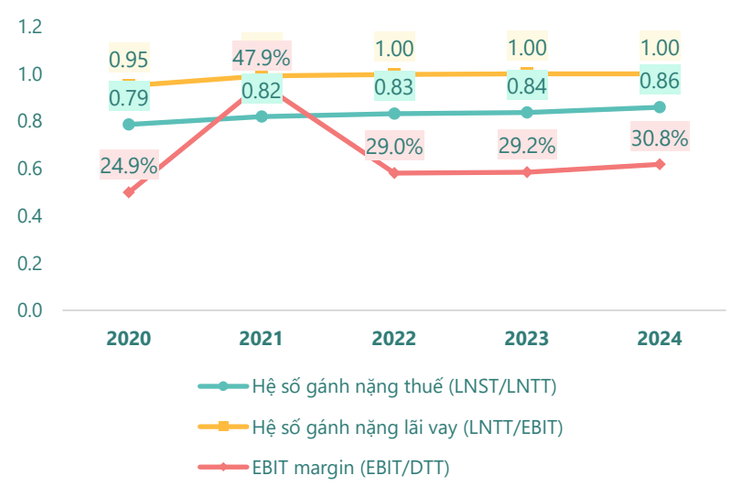
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



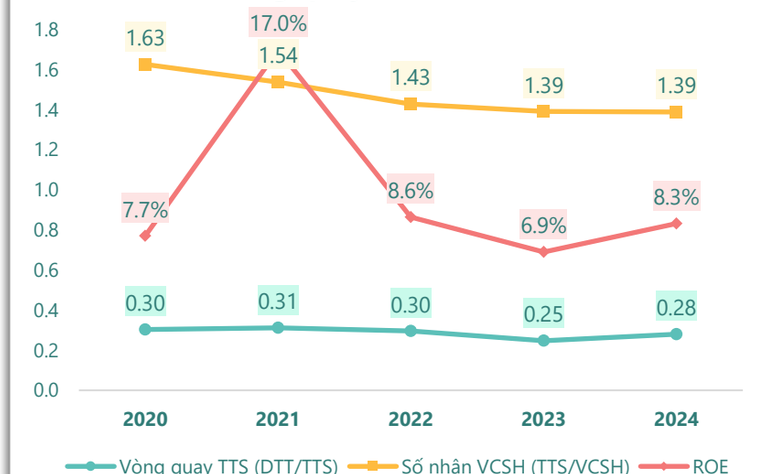
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



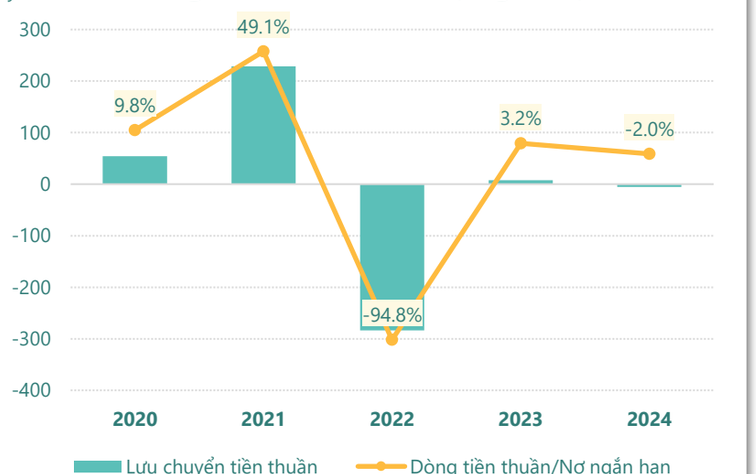
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**482**	**348**	**38.6%**	**886**	**768**	**15.5%**
Giá vốn hàng bán	299	266	12.3%	541	557	-2.9%
Lợi nhuận gộp	183	82.1	123%	346	211	63.8%
Doanh thu HĐTC	34.5	21.4	61.0%	83.4	67.3	23.8%
Chi phí TC	0.50	3.37	-85.3%	2.13	5.81	-63.3%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	3.46	4.92	-29.8%	9.72	13.6	-28.4%
Chi phí QLDN	**24.8**	**29.0**	**-14.6%**	**67.5**	**65.5**	**3.0%**
LN thuần từ HĐKD	189	66.1	186%	350	193	80.8%
Lợi nhuận khác	**2.72**	**3.74**	**-27.2%**	**15.9**	**52.8**	**-69.9%**
LN trước thuế	192	69.9	175%	366	246	48.4%
Lợi nhuận sau thuế	**155**	**61.2**	**153%**	**293**	**203**	**44.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**137**	**44.3**	**210%**	**255**	**170**	**50.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	198	129	209	-11.7	38.6	99.9
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-171	-27.4	30.5	-20.2	5.29	136
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.05	-19.7	-230	-0.28	0.13	-192
Tiền đầu kỳ	207	237	316	326	294	343
Lưu chuyển tiền thuần	**27.2**	**81.6**	**9.21**	**-32.2**	**44.0**	**44.1**
Ảnh hưởng tỷ giá	3.11	-3.32	0.83	0.26	5.62	-5.88
Tiền cuối kỳ	237	316	326	294	343	382

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**4,572**	**4,488**	**1.9%**
Tài sản ngắn hạn	2,321	2,200	5.5%
Tiền và tương đương tiền	382	326	17.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1,608	1,545	4.1%
Phải thu ngắn hạn	92.8	87.5	6.1%
Hàng tồn kho	173	151	14.6%
Tài sản ngắn hạn khác	65.1	91.1	-28.5%
Tài sản dài hạn	**2,251**	**2,288**	**-1.6%**
Phải thu dài hạn	3.67	3.60	1.9%
Tài sản cố định	1,368	1,381	-0.9%
Bất động sản đầu tư	119	129	-7.4%
Tài sản dở dang	204	222	-8.1%
Đầu tư tài chính dài hạn	175	170	3.0%
Tài sản dài hạn khác	**380**	**383**	**-0.6%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,236	1,253	-1.4%
Nợ ngắn hạn	**235**	**256**	**-8.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.98	5.79	3.3%
Nợ dài hạn	1,001	998	0.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**3,336**	**3,235**	**3.1%**
Vốn chủ sở hữu	**3,336**	**3,240**	**3.0%**
Vốn điều lệ	869	869	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**-0.27**	**-4.94**	**94.5%**

(Nguồn: fireant.vn)